

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/DS-ST
Ngày 25-6-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Bà Nguyễn Thị Lương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thuý - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Q; địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailling Tower, số 111 A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh N – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Q (Giấy ủy quyền số 78435.20 ngày 15/01/2020); có mặt.

- **Bị đơn:**

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 2, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn C, T, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2020 của nguyên đơn là Ngân hàng Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31 tháng 01 năm 2013 ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H có ký hợp đồng tín dụng số 041/HĐTD1-VIB060/13 với Ngân hàng TH mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng- Phòng giao dịch Bạch Đằng để vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay là đầu tư mua sắm, thêm các thiết bị gia đình phục vụ đời sống. Hai bên đã ký khế ước nhận nợ số 041/KU'NN1-VIB060/13 ngày 05/02/2013, số tiền nhận nợ là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 05/02/2013; lãi suất vay 03 tháng đầu áp dụng lãi suất 16,09%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần theo ngân hàng. Để đảm bảo cho khoản vay nợ trên giữa hai bên đã ký hợp đồng thế chấp số 041/060/BĐ ngày 01/02/2013; bên thế chấp là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn H, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 394, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Đã được UBND huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 689285, số vào sổ cấp GCN: CH 00269 ngày 09/9/2011; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: ông Nguyễn Văn H vợ là bà Nguyễn Thị H. Trong hợp đồng thế chấp cũng thỏa thuận toàn bộ công trình đầu tư, xây dựng thêm trên đất cũng thuộc tài sản thế chấp. Ông H, bà H đã nhận đủ tiền do ngân hàng giải ngân và đến ngày 01/4/2014 thì vi phạm hợp đồng tín dụng, không trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần tH lượng, đôn đốc nợ. Tính đến hết ngày 24 tháng 6 năm 2021 ông H và bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là **118.631.634** đồng; trong đó số tiền nợ gốc là **46.200.000** đồng, tiền lãi trong hạn là **9.556.747** đồng, số tiền lãi quá hạn là **62.874.887** đồng. Ngân hàng yêu cầu ông H và bà H phải trả toàn bộ số tiền nợ trên. Trường hợp ông H và bà H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021 ông H và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Ngân hàng yêu cầu ông H, bà H phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông và bà H có ký vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp để vay ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng, mục đích mua sắm vật dụng trong gia đình. Ông H đã nhận đủ số tiền vay và đã trả được tiền gốc và lãi được một thời gian nhưng sau đó thì không thực hiện trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng. Ông H thừa nhận khoản vay nợ do ngân hàng yêu cầu là đúng và sẽ có trách nhiệm trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn, ông H đề nghị được trả nợ dần tiền nợ gốc, đề nghị Ngân hàng miễn giảm tiền lãi vay. Tài sản thế chấp hiện nay vẫn do ông H quản lý sử dụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2013 bà và ông H có ký vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp để vay Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền vay. Sau đó bà và ông H không còn chung sống với nhau, hai bên thoả thuận ông H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và sử dụng tài sản thế chấp. Bà H xác nhận khoản nợ do Ngân hàng yêu cầu là đúng, tuy nhiên hiện nay do bà không còn được sử dụng tài sản thế chấp nên đề nghị ông H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, trường hợp ông H không trả được nợ đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, **Điều 227, Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 122, 323, 342, 343, 471, 474, 715, 721 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 130 Luật đất đai năm **2003**; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q, buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp ông H và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chi phí thẩm định, định giá tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Về tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm: Bản sao hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm; bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các bản sao kê quá trình thanh toán tiền, bảng kê tính lãi.

Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Tài sản thế chấp hiện nay do ông H trực tiếp quản lý, sử dụng, không cho ai thuê, không cho ai mượn, không liên quan đến nghĩa vụ nào khác..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú là xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại xã K, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Bà H vắng mặt tại phiên toà và có đơn xin xét xử vắng mặt; ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 26, 35, 39; Điều 227 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T có thẩm quyền giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn :

Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn: Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, bảng lịch trình trả nợ, sao kê quá trình trả nợ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định: Giữa Ngân hàng TH mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng- Phòng giao dịch Bạch Đằng và ông H, bà H ký hợp đồng tín dụng số 041/HĐTD1-VIB060/13 ngày 31/01/2013 để vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay là mua sắm thiết bị gia đình. Hai bên đã ký khế ước nhận nợ số 04/KUNN1-VIB060/13 ngày 05/02/2013. Ngân hàng đã thực hiện đúng theo hợp đồng; ông H và bà H đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng. Quá trình trả nợ ông H và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 01/4/2014, không thanh toán tiền gốc, tiền lãi theo đúng kỳ hạn trong hợp đồng đã thỏa thuận, mặc dù giữa các bên cũng đã tH lượng, đôn đốc nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày do điều kiện kinh tế khó khăn đề nghị được trả dần tiền nợ gốc và đề nghị ngân hàng miễn giảm tiền nợ lãi. Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông H hiện nay không còn chung sống cùng với nhau, hai người thoả thuận ông H có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng và sử dụng toàn bộ tài sản thế chấp, vì vậy bà H đề nghị ông H phải trả nợ và đồng ý phát mại tài sản thế chấp theo quy định.

Ông H và bà H thống nhất, tự nguyện cùng ký vào hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay tiền; đã nhận đủ tiền vay do Ngân hàng giải ngân và cùng sử dụng, thực hiện trả nợ; thừa nhận tổng số dư nợ gốc và lãi mà Ngân hàng khai đến thời điểm khởi kiện là đúng và xin được trả nợ dần tiền nợ gốc nhưng đại diện nguyên đơn không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận. Ông H và bà H đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận với Ngân hàng. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết **ngày 24 tháng 6 năm 2021** là **118.631.634** đồng; trong đó số tiền nợ gốc là **46.200.000** đồng, tiền lãi trong hạn là **9.556.747** đồng, số tiền lãi quá hạn là **62.874.887** đồng.

[3]. Xét hợp đồng thế chấp số 041/060/BĐ ngày 01/02/2013; bên thế chấp là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 394, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã G, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Đã được UBND huyện Thuỷ Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 689285, số vào sổ cấp GCN: CH 00269 ngày 09/9/2011; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Nguyễn Văn H vợ là bà Nguyễn Thị H. Từ năm 2013 ông H và bà H không còn chung sống với nhau; hiện nay ông H đang quản lý, **sử dụng** tài sản thế chấp. Tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích đất theo hiện trạng lớn hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác minh tại địa pH là do trước đây quá trình đo vẽ thủ công không chính xác. Các tài sản thế chấp vẫn còn nguyên vẹn, song ông H có làm thêm một số tài sản, hiện nay các tài sản trên đất gồm: 01 nhà ống cấp bốn cửa sổ nhôm kính, cửa chính xếp sắt bít tôn; 01 gian nhà ở tường bó trát chưa sơn; 01 gian nhà bếp đổ mái bằng; 01 công trình phụ gồm nhà tắm, nhà vệ sinh đổ mái bằng; 01 bể nước 12m³; 01 lán tôn mạ màu cạnh nhà trên và lối đi xuống công trình phụ; 01 khu chăn nuôi tường gạch ba banh lợp tôn mạ màu lạnh; sân lát xi măng, cổng hai trụ hai cánh sắt hộp; tường bao phía trước nhà xây gạch ba banh. **Bà Nguyễn Thị Tư hiện nay đang ở cùng trên tài sản thế chấp trình bày bà có cùng với ông H xây dựng thêm một số tài sản trên diện tích đất thế chấp như ông H đã trình bày nhưng bà không có ý kiến gì đối với phân tài sản xây thêm và để ông H toàn quyền quyết định đối với các tài sản này.**

Hợp đồng thế chấp đều được các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tự nguyện tham gia, ký kết thể hiện ý chí của các bên; về hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp đều đảm bảo đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật và đã được công chứng, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật. Các bên đương sự đều thừa nhận chữ ký của mình trong các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Ông H và bà

H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Điều 4, Điều 5 hợp đồng tín dụng. Vì vậy Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định pháp luật.

Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm, nếu tài sản bảo đảm sau khi thanh toán hết các nghĩa vụ nếu còn thừa sẽ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H; nếu thiếu thì ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Q cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Q.

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải chịu 10.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thế chấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 323, 342, 343, 471, 474, 715, 721 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 30 Luật Đất đai năm 2003; Điều 91; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q, buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Q số tiền tính đến ngày **24 tháng 6 năm 2021** là **118.631.634** đồng; trong đó số tiền nợ gốc là **46.200.000** đồng, tiền lãi trong hạn là **9.556.747** đồng, số tiền lãi quá hạn là **62.874.887** đồng.

Kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021 ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Q thì Ngân hàng Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo hợp đồng thế chấp tài sản số 041/060/BĐ ngày 01/02/2013 đã ký giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H – bên thế chấp và Ngân hàng Q – bên nhận thế chấp. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 394, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã G, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Đã được UBND huyện Thuỷ Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 689285, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00269 ngày 09/9/2011; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Nguyễn Văn H vợ là bà Nguyễn Thị H; có các mốc như sau: 1-2-3-4-1 (có sơ đồ kèm theo bản án).

Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm, nếu tài sản bảo đảm sau khi thanh toán hết các nghĩa vụ nếu còn thừa sẽ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H; nếu thiếu thì ông H và bà H tiếp tục thanh toán trả cho Ngân hàng TH mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.931.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TH mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002441 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải chịu 10.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thế chấp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là Ngân hàng TH mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu:VT; HCTP; hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự